

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/12/2017**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+TD3+P4	7:25	2+17+3	0+0+0		2+15+4	0+0+0	
2		P9+CLO+TD5	7:25	8+0+14	0+0+0		2+6+14	0+0+0	
3		RP1+TD1	7:25	6+16	0+0		3+19	0+0	
4		RP3+RP2	7:25	15+7	0+0		14+8	0+0	
5		T.UNG	7:25	13	0		19	0	
6		RP1+RCDM	9:25	16+6	0+0		16+6	0+0	
7		BK10+PPD+TD3	9:25	7+6+9	0+0+0		6+4+0	0+0+0	TRANS 1 PAX BK10-PPD
8		RC3+RC6+RP3	9:25	7+7+8	0+0+0		5+5+12	0+0+0	
9		RP2+RC4+RC5	9:25	9+6+7	0+0+0		9+5+7	0+0+0	
10		RP1+RP3	11:25	10+12	0+0		8+14	0+0	
11		RP2	11:25	22	0		22	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
2-NGUOI DH-KIEM KE VAT TUV VE TU TD1; 2-DH KIEM KE VAT TUV VE TU CLO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2017	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:25
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Tường - ĐTrung	ETA: 10:30
XANH-1 A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAGRAMOV	BK THIE	03	1	6		91	KH-THAC	Russian
2	PHAM GIAP TRI	BK THIE	13	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VIET TUNG	BK THIE	07	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN MINH TAM	BK THIE	12	1	3	83	73	KH-THAC	Vietnamese
5	VU HUNG TUAN	BK THIE	10	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	DUONG VAN THONG	BK THIE	02	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LE ANH TUAN	BK THIE	06	1	2		50	KH-THAC	Vietnamese
8	HO DINH HUY	BK THIE	08	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
9	DO VAN CUONG	BK THIE	01	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THIEN TOAN	BK THIE	11	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ANH TUAN	BK THIE	05	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN SON	BK THIE	09	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NAM SINH	BK THIE	04	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	13	13	61	904	83	19		
	<b>TOTAL</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>61</b>	<b>904</b>	<b>83</b>	<b>19</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>61</b>	<b>904</b>	<b>83</b>			

GRAND TOAL: 1.048 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2017	TO: RP1 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - THỤ	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔ ĐÌNH TỬ	RP1	82,84	2	8		67	YTE	Vietnamese
2	ZELENSKY	RP1	80	1	7		82	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN TRỌNG KHANG	RP1	79	1	7	55	64	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC THIÊN	RP1	77	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG HUY HOANG	RP1	78	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN MINH HIỆU	RP1	81	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1	12	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN HUY QUANG	TD1	18	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
9	PHAAM HOA VIỆT	TD1	23-24	2	10		65	YTE	Vietnamese
10	BUI VĂN LUẬN	TD1	09	1	6		54	KHOAN	Vietnamese
11	VU DINH PHONG	TD1	25	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	TD1	10	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN THANH TUẤT	TD1	14	1	3	55	52	KHOAN	Vietnamese
14	TRƯƠNG XUÂN TRUNG	TD1	21	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGO XUÂN THƯƠNG	TD1	13	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN QUANG LƯỢNG	TD1	17	1	4		86	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN MẠNH TIẾP	TD1	11	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
18	DUONG VAN TUAN	TD1	15	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HOÀN	TD1	16	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
20	VU QUY VINH	TD1	19-20	2	10		73	KHOAN	Vietnamese
21	VU VAN QUY	TD1	08	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
22	LA QUY DANH	TD1	22	1	5		64	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	6	7	37	408	55	3		
2	TD1	16	18	84	1.073	55	19		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>121</b>	<b>1.481</b>	<b>110</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>121</b>	<b>1.481</b>	<b>110</b>			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Dec-17	TO: P9 - CLO - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - MQUÂN	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THUY	P9	85	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
2	LAM VAN PHUC	P9	86	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐANG HONG VIET	P9	87	1	5	20	70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN NGOC	P9	89	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN CO	P9	90	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI ANH SON	P9	88	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHUNG ANH TUNG	P9	84	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC MINH	P9	83	1	4		60	PSV	Vietnamese
9	ALEKSANDROV A.A	TD5	81	1	3		85	KHOAN	Russian
10	GONCHAROV S.A	TD5	80	1	9		101	KHOAN	Russian
11	PHAM VAN BINH	TD5	85	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN THE	TD5	79	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
13	HUYNH DINH DE	TD5	96	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DUY TAM	TD5	04	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN THANH	TD5	38	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
16	MAI TRUONG TRUNG	TD5	84	1	6	20	55	KHOAN	Vietnamese
17	LE ANH NGUYEN	TD5	05	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN VAN LEN	TD5	83	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HIEN	TD5	82	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
20	LE XUAN HIEN	TD5					55	KHOAN	Vietnamese
21	BUI QUANG TUYNH	TD5	86	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
22	LE XUAN THINH	TD5	87	1	7		67	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	8	8	47	528	20	2		
2	CLO	0	0	0	0	20	6		
3	TD5	14	13	68	947	20	13		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>115</b>	<b>1.475</b>	<b>60</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>115</b>	<b>1.475</b>	<b>60</b>			

GRAND TOAL: 1.650 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2017	TO: TD1 - TD3 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hôi - HUNG - Luy - DTùng	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SMAKOV A.A	TD1	94	1	5		80	KHOAN	Russian
2	NGUYEN DINH NAM*TT	TD1	95	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
3	AFANASHEV LIU	TD3	26-27	2	12	50	90	KHOAN	Russian
4	ĐO MẠNH HẠ	TD3	28	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ ANH XUÂN	TD3					71	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN HẢI NAM	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN MINH HIEN	TD3	32	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
8	BUI HUU VUNG	TD3	29	1	6		86	KHOAN	Vietnamese
9	ĐOÀN QUANG BẠC	TD3	30	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGO VAN KIEM	TD3	92	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
11	LUU VAN SON	TD3	91	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
12	CHU VAN THANG	TD3	31	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
13	ĐO THANH HAI	TD3	33	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TUYEN	TD3	97	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN QUANG HUNG	TD3	95-96	2	15		65	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG TRONG BAI	TD3	94	1	11	95	74	KH-THAC	Vietnamese
17	SUKALAL SHIVARAM ETRAPE	TD3	98	1	6		54	NHA THAU	Indian
18	KONOVALOV	TD3	41	1	5		83	D-HANH	Russian
19	SHEVCHENKO	TD3	93	1	5		82	D-HANH	Russian
20	TRẦN VĂN TOÀN	P4	37	1	5	10	74	CODIEN	Vietnamese
21	NÔNG MINH HẢI	P4	35	1	9		72	CODIEN	Vietnamese
22	TRINH NGOC TU	P4	36	1	5		75	CODIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	2	2	9	150	0	2		
2	TD3	17	17	99	1.237	145	15		
3	P4	3	3	19	221	10	4		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>127</b>	<b>1.608</b>	<b>155</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>127</b>	<b>1.608</b>	<b>155</b>			

GRAND TOAL: 1.890 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2017	TO: RP3 - RP2	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: LHải - Bảng - thông - THẢO	ETA: 09:30
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VAN NGO	RP3	52-53	2	15		55	YTE	Vietnamese
2	TRAN KHIEM HIEU	RP3	62	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
3	IREK VALEEV	RP3	57	1	5		83	KH-THAC	Russian
4	NG. TRONG HAI	RP3	63	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
5	GALLIAMOV I.M I.A.	RP3	56	1	5		69	KH-THAC	Russian
6	NGUYEN THANH DUONG *TT	RP3	54	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TRUNG*CD	RP3	60	1	9	126	75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VAN SON	RP3	61	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN VAN LY	RP3	55	1	9		84	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM VAN ANH * CD	RP3	59	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
11	TRUONG THE DUNG	RP3	50	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG VU	RP3	58	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
13	LUONG VAN LUONG	RP3	65-66	2	8		91	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG XUAN HUNG	RP3					67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TU THANG *CD	RP3	51	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VAN BAN	RP2	85	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HOANG	RP2	81	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC VINH	RP2	100	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN DAT	RP2	82	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
20	TANG VAN DUC	RP2	80	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	83	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THANH DUY	RP2	84	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	15	16	93	1.077	126	14		
2	RP2	7	7	30	490	0	8		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>123</b>	<b>1.567</b>	<b>126</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>123</b>	<b>1.567</b>	<b>126</b>			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2017	TO: RP1 - RCDM	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Hoi - HUNG - Luy - DTùng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN NAM THANG	RP1	58	1	10	20	103	KH-THAC	Vietnamese
2	VU QUY HOANG	RP1	55	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TAM	RP1	62	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
4	TAO QUANG NGAN	RP1					64	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN CONG TOAN	RP1					96	KH-THAC	Vietnamese
6	VU DINH HOAN	RP1	96	1	10	15	75	KH-THAC	Vietnamese
7	TUONG ANH CAC	RP1					65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG LOC	RP1	53-54	2	6		77	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG DINH BA	RP1	61	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM NGOC PHONG	RP1	56	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
11	LE MANH HUNG	RP1	99	1	2		81	KH-THAC	Vietnamese
12	MAMEDOV	RP1	60	1	5		83	KH-THAC	Russian
13	PHAM VAN THUY	RP1	52	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG THE ANH	RP1	57	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
15	KAZAKOV	RP1	59	1	5		75	KH-THAC	Russian
16	NGUYEN TRUONG GIANG	RP1	98	1	11		88	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM XUAN VINH PHUC	RCDM	42	1	4	65	71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC TAN	RCDM	39	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VAN TRUONG	RCDM	41	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
20	DANG MINH DUNG	RCDM	38	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THE VU	RCDM	40	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
22	HO TRONG BANG	RCDM	43-44	2	17		74	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	16	14	73	1.209	35	16		
2	RCDM	6	7	44	413	65	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>117</b>	<b>1.622</b>	<b>100</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>117</b>	<b>1.622</b>	<b>100</b>			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Dec-17	TO: TD3 - BK10 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Văn - DUONG - MQUÂN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT TRUNG	TD3	55	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
2	ĐẶNG VĂN THỊNH	TD3	52	1	8	20	75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG HIỆU	TD3	56	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC HÙNG	TD3	57	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ THANH BÌNH	TD3	53	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN DŨNG	TD3	60	1	10		70	DVL	Vietnamese
7	PHAN VINH TRƯỜNG	TD3	58	1	10		70	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG LONG	TD3	59	1	7		80	DVL	Vietnamese
9	VŨ VĂN HÙNG	TD3	54	1	3		60	NIPI	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HUY	BK10	97	1	14		80	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	BK10	600	1	10	50	66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC TRI	BK10	98	1	10	80	70	KH-THAC	Vietnamese
13	THAI QUỐC CUÔNG	BK10	90	1	9		52	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH KIẾT	BK10	92,25	2	10		62	XAYLAP	Vietnamese
15	CŨ CHI CÔNG	BK10	99	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC QUANG	BK10	89	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI TRUNG KIẾN	PPD	41-42	2	12		65	KHI	Vietnamese
18	DƯƠNG ĐĂNG NHÀ	PPD	39-40	2	9		70	KHI	Vietnamese
19	BUI ĐỨC DŨNG	PPD	43-44	2	10		64	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN SANG	PPD	37	1	5		70	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	38	1	5		70	KHI	Vietnamese
22	ĐINH QUANG SƠN	PPD	36	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	9	9	76	648	20	0		CHUYEN 01 PAX TU BK10 SANG PPD
2	BK10	7	8	75	469	130	6 + 2		
3	PPD	6	9	53	409	0	11		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>204</b>	<b>1.526</b>	<b>150</b>	<b>17</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>204</b>	<b>1.526</b>	<b>150</b>			

GRAND TOAL: 1.880 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2017	TO: RP2 - RC4 - RC5	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: LHài - Bằng - thông - THẢO	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH QUỐC TRƯỜNG	RP2	89	1	2		81	GETRACO	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	RP2	84-85	2	11		56	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TRỌNG TIẾN	RP2	87	1	11		80	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH VĂN QUÂN	RP2	86	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	93	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
6	GARIBEKOV M. K.	RP2	90	1	4		104	KH-THAC	Russian
7	TRẦN THIỆN THANH	RP2	92	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	RP2	91	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THAO	RP2	88	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG KHANH	RC4	37	1	7		82	ĐANG KIEM	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG MINH	RC4	40	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TI	RC4					65	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VĂN NINH	RC4					70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH VĂN CÔNG	RC4	39	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG QUANG VINH	RC4	38	1	5	50	84	PSV	Vietnamese
16	BUI QUỐC VIỆT	RC5	31	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO ĐẮC TOÀN	RC5	32	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN CỤC	RC5	36	1	13	7	80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC LINH	RC5	37	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
20	HA QUANG TRUNG	RC5	33	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
21	BAMBUROV E.H	RC5	38	1	17		94	KH-THAC	Russian
22	PHẠM VĂN HUÂN	RC5	34	1	3	50	70	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	9	10	49	642	0	9		
2	RC4	6	4	23	439	50	5		
3	RC5	7	7	58	497	57	7		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>130</b>	<b>1.578</b>	<b>107</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>130</b>	<b>1.578</b>	<b>107</b>			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2017	TO: RC3 - RC6 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - THỤ	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC HẢI	RC3	16	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ TUẤN ANH	RC3	17	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN VIỆT	RC3	15	1	6	35	70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TẤN HỒNG	RC3	14	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ CÔNG AN	RC3	18	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN THIÊN	RC3	13	1	4		64	CODIEN	Vietnamese
7	TRẦN ĐƯƠNG	RC3	11-12	2	14		64	CODIEN	Vietnamese
8	KIỀU TUẤN ANH	RC6	06	1	9		71	ĐANG KIEM	Vietnamese
9	TRẦN MINH THỊ	RC6	05	1	5		106	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VAN TUNG	RC6	07	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
11	CHU TIẾN BÌNH	RC6	08	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN TRUNG	RC6	04	1	5	70	77	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	RC6	09	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
14	KIỀU MINH QUYẾT	RC6	02-03	2	5		65	PSV	Vietnamese
15	HOANG VAN HOA	RP3	77	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ TRỌNG LĨNH	RP3	73	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP3	78	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	79	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	75-76	2	13		77	KH-THAC	Vietnamese
20	CHU ĐỨC MUI	RP3	80	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM QUANG TRUNG	RP3					67	KH-THAC	Vietnamese
22	LƯƠNG QUANG THƯỜNG *CB	RP3	74	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	7	8	52	467	35	5		
2	RC6	7	8	47	538	70	5		
3	RP3	8	8	43	558	0	12		
TOTAL		22	24	142	1.563	105	22		
WEIGHT KG				142	1.563	105			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2017	TO: RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Vận - XHOÀN - MQUÂN	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VŨ QUYÊN	RP2	17	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THÀNH LUÂN	RP2	19	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐÌNH YẾN	RP2	08	1	3		47	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ANH TUNG	RP2					73	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ ĐỨC LONG	RP2	01	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO VĂN TUẤN	RP2	03	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN THÀNH	RP2	18	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ DUY QUYÊN	RP2	05-06	2	7		57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	29-30	2	20		82	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THANH TUẤN	RP2	04	1	15		59	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ QUANG LUYỆN	RP2	09	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HUẤN	RP2	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN HỒNG LĨNH	RP2	10	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THANH BÌNH	RP2	15	1	9		87	ANTOAN	Vietnamese
16	TRẦN VIỆT HỒ	RP2	16	1	12		70	DVL	Vietnamese
17	ĐÀO VĂN LONG	RP2	25	1	3		72	DVL	Vietnamese
18	DUƠNG TRUNG KIẾN	RP2	24	1	10	50	60	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THỌ	RP2	07	1	5		72	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ VĂN LỢI	RP2	11-12	2	7		50	T-TIN	Vietnamese
21	TRẦN VĂN VIỆT B	RP2	14	1	5	61	65	GETRACO	Vietnamese
22	ĐÌNH VĂN GIANG	RP2	02	1	5		70	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	23	137	1.435	111	22		
	<b>TOTAL</b>	<b>22</b>	<b>23</b>	<b>137</b>	<b>1.435</b>	<b>111</b>	<b>22</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>137</b>	<b>1.435</b>	<b>111</b>			

GRAND TOAL: 1.683 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Dec-17	TO: RP1 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Hòì - KHÁI - Luy - Toan	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN KHAC HONG	RP1	89	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HUNG CUONG	RP1					80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN NAM TRUNG	RP1	90	1	9	30	60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THE DU	RP1	56	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
5	ĐÀO DUY DIỆP	RP1	92	1	9		84	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN DUY BAI	RP1	94-95	2	17		80	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN BA THUAN	RP1	93	1	12		70	CODIEN	Vietnamese
8	LÊ HỒNG ĐỨC	RP1	81	1	5		72	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN TRI HA	RP1	47	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN CHI HUNG	RP1	88	1	5		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN TU HAI *CĐ	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO QUANG HUNG*TT	RP3					80	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐỨC HUY	RP3	85-86	2	10	88	70	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VAN HIEN *CĐ	RP3	87	1	9	40	70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯỜNG VĂN THƯỜNG	RP3					65	KH-THAC	Vietnamese
16	LUU THE ANH	RP3	500	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DOAN THANH *CĐ	RP3	88	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	CAO QUANG HUNG	RP3	89	1	11		110	CODIEN	Vietnamese
19	HOANG MINH NGOC	RP3	90	1	9		65	CODIEN	Vietnamese
20	LAI VAN MINH	RP3	84	1	5		60	KHI	Vietnamese
21	TÀ PHI KHANH	RP3	83	1	2		75	KHI	Vietnamese
22	FIRSOV	RP3	81-82	2	12		100	ANTOAN	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	10	10	86	723	30	8		
2	RP3	12	11	67	905	128	8		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>153</b>	<b>1.628</b>	<b>158</b>	<b>16</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>153</b>	<b>1.628</b>	<b>158</b>			

GRAND TOAL: 1.939 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPEIRO  
TRƯỜNG BAN ĐHTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/12/2017**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	410	TTC2+CNV+TD2	7:25	4+0+17	0+0+0		0+3+19	0+0+0	CHUYỂN 1
2	420	P2+BK10+P10	7:25	22+0+0	0+0+0		21+0+0	0+0+0	PAXT TỪ BK10-P10
3	427	BK4+CLO	7:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
4	410	TTCl+PVD2	9:25	8+12	0+0		0+21	0+0	
5	420	RP3+PPD+P1	9:25	11+10+0	0+0+0		6+6+9	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
4 NGUOI TD2 VỀ QUA P1.



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/12/2017	TO: TTC2 - CNV - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vận - CHIẾN - Năm - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GLYBOVSKY	TTC2	55	1	8		85	BTSL	Russian
2	NGUYEN THE HOI	TTC2	52	1	4		62	BTSL	Vietnamese
3	TRAN MANH QUE	TTC2	53	1	8		85	BTSL	Vietnamese
4	TA TRUNG DUNG	TTC2	54	1	10		85	BTSL	Vietnamese
5	DO XUAN VANG	TD2					82	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THANH TAM	TD2	07	1	7		67	YTE	Vietnamese
7	SMIRNOV V.S	TD2	02	1	6	60	90	KHOAN	Russian
8	BUI THO DUONG	TD2	11	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
9	TRINH QUOC KHANH	TD2	03	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH VAN HUAN	TD2	04	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN KHAC HA TRUNG	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN XUAN UYEN	TD2	10	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC KHANH	TD2	05	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM THE CHUYEN	TD2	06	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
15	VU VAN DOAI	TD2	08-09	2	9		88	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG THUC	TD2	13	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
17	VU VAN THUY	TD2	14	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN ĐỨC LONG	TD2	12	1	13		55	DIAVATLY	Vietnamese
19	LE HOAI THIEN	TD2	15	1	11		80	DIAVATLY	Vietnamese
20	BABUSHEV	TD2	01	1	7		90	ANTOAN	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	4	4	30	317	0	0		
2	CNV	0	0	0	0	40	3		
3	TD2	16	15	76	1.180	60	19		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>19</b>	<b>106</b>	<b>1.497</b>	<b>100</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>106</b>	<b>1.497</b>	<b>100</b>			

GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12-Dec-17	TO: P2 - BK10 - P10	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hôi - Linh - Luy - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN HUY THUONG	P2	87	1	3	20	78	KHI	Vietnamese
2	VÔ QUANG HẬU	P2	76	1	11		55	LILAMA18	Vietnamese
3	LÊ VĂN THỤ	P2	86	1	4		73	LILAMA18	Vietnamese
4	ĐẶNG VĂN MẠNH	P2	85	1	5		66	LILAMA18	Vietnamese
5	NGUYỄN BA TUẤN	P2	83	1	4		65	LILAMA18	Vietnamese
6	TRẦN THAI SƠN	P2	88	1	5		55	KHI	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	P2	79	1	7		67	LILAMA18	Vietnamese
8	VŨ LÊ HÙNG	P2	77	1	4		54	LILAMA18	Vietnamese
9	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	P2	82	1	6		69	LILAMA18	Vietnamese
10	BẠCH ĐÌNH QUÂN	P2	80	1	5		55	LILAMA18	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN XUÂN	P2	78	1	5		58	LILAMA18	Vietnamese
12	BUI XUÂN NGỌC	P2	60-61	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN LÊ	P2	72-73	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC TUẤN	P2	68-69	2	10		69	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI NGỌC THẢO	P2	63-64	2	16		67	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI ANH TUẤN	P2	65-66	2	13		68	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN DỰ	P2	74-75	2	15		57	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC HIẾP	P2	70-71	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN BỘ	P2	67	1	20		72	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC HUY	P2	81	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ TUNG LAM	P2	62	1	7		61	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	21	28	204	1.365	20	21		CHUYEN 1 PAX TU BK10 SANG P10
2	BK10	0	0	0	0	30	0		
3	P10	0	0	0	0	0	0		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>28</b>	<b>204</b>	<b>1.365</b>	<b>50</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>204</b>	<b>1.365</b>	<b>50</b>			

GRAND TOAL: 1.619 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/12/2017	TO: BK4 - CLO	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Nam - TUYEN - Nnam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGO DUY TIET	BK4	24	1	7		74	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN VAN TOAN	BK4	26	1	15	60	70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC PHAT	BK4	25	1	11		72	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN KHOA	CLO	91	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
5	ĐINH XUAN PHU	CLO	82	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN QUANG HIEN	CLO	99	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN MANH HUNG	CLO	93	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
8	BUI XUAN DUY	CLO	85	1	9		66	KHOAN	Vietnamese
9	PHUNG BA TUAT	CLO	89	1	2		76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN ĐANG BAO	CLO	96	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
11	ĐO TRUONG GIANG	CLO	90	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN CONG BANG	CLO	94	1	4	20	75	KHOAN	Vietnamese
13	VU VAN ĐANG	CLO	83	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN VAN KHANG	CLO	84	1	16		75	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN MINH TUAN	CLO	95	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
16	LUU VAN KHUONG	CLO	97-98	2	9		74	NHA THAU	Vietnamese
17	PHAM DINH TUAN	CLO	88	1	6		59	NHA THAU	Vietnamese
18	PHAM VAN HUNG	CLO	92	1	7		70	NHA THAU	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HIEN	CLO	86	1	6		73	DIAVATLY	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LINH	CLO	87	1	14		66	DIAVATLY	Vietnamese
21	LUONG MINH PHUNG	CLO	79-80	2	20		63	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYEN HUU DUC	CLO	81	1	7		80	T-TIN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	3	3	33	216	60	0		
2	CLO	19	21	133	1.309	20	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>166</b>	<b>1.525</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>166</b>	<b>1.525</b>	<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/12/2017	TO: TTC1 - PVD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Văn - CHIÊN - Năm -	ETA: 11:20
XANH-2		DTùng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐÌNH THĂNG	TTC1	44-45	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN VIỆT HOA	TTC1	42-43	2	12		56	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN THUY	TTC1	38-39	2	10	20	50	XAYLAP	Vietnamese
4	TRƯƠNG VĂN ĐỨC	TTC1	41	1	10		56	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN ĐÌNH PHÒNG	TTC1	40	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ QUỐC HƯƠNG	TTC1	35	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG CHUNG	TTC1	85-86	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG VAN DUNG	TTC1	36-37	2	14		64	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN THANH HUNG	TTC1	83	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
10	VU QUANG DUONG	TTC1	81-82	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
11	MAI DONG DUY	PVD2	25	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN HUU DAT	PVD2	32	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DUC CHI	PVD2	26	1	5	80	67	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN LUC	PVD2	28	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM VAN TAN	PVD2	27	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN DOANH	PVD2	34-35	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
17	VU ANH CHUONG	PVD2	31	1	7		83	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TRUONG SON	PVD2	29-30	2	16		47	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG QUAN	PVD2	33	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC SON	PVD2	99	1	10		60	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	10	16	120	631	20	0		
2	PVD2	10	12	86	655	80	21		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>28</b>	<b>206</b>	<b>1.286</b>	<b>100</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>206</b>	<b>1.286</b>	<b>100</b>			

GRAND TOTAL: 1.592 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/12/2017	TO: RP3 - PPD - P1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Hôi - Linh - Luy - Vũ	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN SON	RP3	75-76	2	10		78	BASON	Vietnamese
2	BUI THO SON	RP3	70	1	5		75	BASON	Vietnamese
3	HOANG VAN LAM	RP3	74	1	8		52	BASON	Vietnamese
4	NGUYEN BA HOANG	RP3	71-72	2	10		55	BASON	Vietnamese
5	ĐANG VAN GIANG	RP3	80-81	2	8		65	BASON	Vietnamese
6	NGUYEN BA SAC	RP3	79	1	5		60	BASON	Vietnamese
7	NGUYEN VAN THUY	RP3	82	1	7		50	BASON	Vietnamese
8	NGUYEN VAN THANH	RP3	77-78	2	10		46	BASON	Vietnamese
9	PHAM NGOC HOANG	RP3	73	1	9		52	BASON	Vietnamese
10	PHAM HUY THONG	RP3	69	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ANH SON	PPD	91	1	5		64	KHI	Vietnamese
12	ĐOAN DUY HUNG	PPD	90	1	9		87	KHI	Vietnamese
13	VU NGOC TUAN	PPD	88	1	5		80	KHI	Vietnamese
14	LE THANH TRUNG	PPD	89	1	3		64	KHI	Vietnamese
15	ĐOAN VAN TRUC	PPD	92	1	8		66	KHI	Vietnamese
16	PHAN XUAN LICH	PPD	85	1	5		66	KHI	Vietnamese
17	TRAN CONG LUC	PPD	86	1	2	18	63	KHI	Vietnamese
18	PHAM MANH HIEN	PPD	84	1	7		63	LILAMA	Vietnamese
19	PHAM VAN SON	PPD	87	1	7		72	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	10	14	84	611	0	6		
2	PPD	9	9	51	625	18	7		
3	P1	0	0	0	0	0	9		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>23</b>	<b>135</b>	<b>1.236</b>	<b>18</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>135</b>	<b>1.236</b>	<b>18</b>			

GRAND TOAL: 1.389 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN